

9. Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng 8 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8 năm 2022	Tháng 8 năm 2022 so với tháng 7 năm 2022 (%)	Tháng 8 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.269,03	7.448,27	100,92	2.762,97	117,72
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	1.269,03	7.448,27	100,92	2.762,97	117,72
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	159.850,29	936.548,17	100,96	2.763,85	117,22
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	159.850,29	936.548,17	100,96	2.763,85	117,22
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	322,60	2.518,80	100,88	211,54	122,94
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	322,60	2.518,80	100,88	211,54	122,94
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	22.042,70	171.007,10	100,91	211,73	122,22
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	22.042,70	171.007,10	100,91	211,73	122,22
Hàng không	-	-	-	-	-